

Danh sách các hộ gia đình, cá nhân có đất thu hồi thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng Khu đô thị thể thao Olympic
Địa bàn thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, thành phố Hà Nội (Đợt 1)
(Ban hành kèm theo Thông báo số: /TB-UBND ngày /5/2026 của Chủ tịch UBND xã Tam Hưng)

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin thửa đất đo đạc theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi dự kiến	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(10)	(9)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1	Hộ bà Đoàn Thị Thủy	001151007121	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	254	2.028,0	2.028,0	0,0	LUC	00	5+6+7+8	2.028,0	LUC	CH 117440	22/12/2016
				Đồng Quai Cháo	43	32	1.942,0	1.942,0	0,0	LUC	00	15+16+17+18	1.942,0	LUC	CH 117440	22/12/2016
2	Hộ ông Nguyễn Văn Bái (1957)	001057007034	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	14	1.437,0	1.437,0	0,0	LUC	00	04	1.437,0	LUC	CE 397248	29/9/2016
3	Hộ ông Nguyễn Văn Quý	001068024159	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	33	2.622,0	2.622,0	0,0	LUC	0	7+8	2.622,0	LUC	CH117491	22/12/2016
4	Hộ ông Nguyễn Văn Lâm	001063010566	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	49	1.020,0	1.020,0	0,0	LUC	00	01	1.020,0	LUC	CE397238	29/9/2016
				Đồng Quai Cháo	43	74	608,0	608,0	0,0	LUC	00	01	608,0	LUC	CE397238	29/9/2016
				Đồng Nhà Rẽ	44	29	1.519,0	1.519,0	0,0	LUC	00	05	1.519,0	LUC	CE 397238	29/9/2016
5	Hộ ông Đỗ Thanh Quyền	001076032469	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	19	2.475,0	2.475,0	0,0	LUC	00	08	2.475,0	LUC	CE 397300	29/9/2016
6	Hộ ông Nguyễn Văn Khanh	001070002328	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	64	1.424,0	1.424,0	0,0	LUC	00	2	1.424,0	LUC	CH117464	22/12/2016
7	Hộ ông Phan Văn Kiên	001079012983	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	42	202	1.119,0	1.119,0	0,0	LUC	00	2+3	1.119,0	LUC	CH 117490	22/12/2016
8	Hộ bà Lê Thị Nhựt (1954)	001154023150	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	9	577,0	577,0	0,0	LUC	00	4/2	577,0	LUC	CE 586279	30/9/2016
9	Hộ bà Lê Thị Thương	001188033451	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	24	720,0	720,0	0,0	LUC	00	18	720,0	LUC	CE 397353	29/9/2016
10	Hộ bà Trần Thị Thúy Hà	042186000123	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	34	907,0	907,0	0,0	LUC	00	09	907,0	LUC	CE 397352	29/9/2016
11	Hộ bà Trần Thị Dung	001164001974	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	43	362,0	362,0	0,0	LUC	00	13	362,0	LUC	CE 397402	29/9/2016
12	Hộ bà Dương Thị Nga	001152024554	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	53	2.633,0	2.633,0	0,0	LUC	00	14+15+16+17	2.633,0	LUC	CH 117478	22/12/2016
13	Hộ bà Phan Quang Phát (Vợ: Dương Thị Tuyết)	001187030397	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	60	504,0	504,0	0,0	LUC	00	06	504,0	LUC	CE 397277	29/9/2016
14	Hộ ông Phan Ngọc Chắt	001081048209	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	67	360,0	360,0	0,0	LUC	00	06	360,0	LUC	CE 397278	29/9/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin thửa đất đo đạc theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi dự kiến	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
15	Hộ ông Dương Văn Mừng (1975)	001075003835	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	244	784,0	784,0	0,0	LUC	00	14	784,0	LUC	CE 397417	29/9/2016
		001075003835	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Thối có	53	10	797,0	797,0	0,0	LUC	00	05	797,0	LUC	CE 397417	29/9/2016
16	Hộ bà Dương Thị Năm	001155005650	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	75	1.008,0	1.008,0	0,0	LUC	00	6	1.008,0	LUC	CH 117466	22/12/2016
17	Hộ ông Dương Văn Sách	001052011731	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	83	1.028,0	1.028,0	0,0	LUC	00	29+28	1.028,0	LUC	CH 117471	22/12/2016
18	Hộ ông Dương Văn Lượng (1980)	001080009764	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	90	486,0	486,0	0,0	LUC	00	27	486,0	LUC	CE 397407	29/9/2016
19	Hộ bà Dương Thị Huyền	001175019038	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	91	486,0	486,0	0,0	LUC	00	26	486,0	LUC	CE 397406	29/9/2016
20	Hộ ông Dương Văn Vờ	001055015007	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	96	1.153,0	1.153,0	0,0	LUC	00	25	1.153,0	LUC	CE 397405	29/9/2016
21	Hộ bà Phan Thị Tứ (1953)	001153002497	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	42	204	1.241,0	1.241,0	0,0	LUC	00	01	1.241,0	LUC	CE 397358	29/9/2016
22	Hộ ông Phan Văn Đắc (1971)	'001071008669	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	213	137,0	137,0	0,0	LUC	00	4/1	137,0	LUC	CE 586278	30/9/2016
23	Hộ ông Phan Văn Nam	'001079032913	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	212	967,0	967,0	0,0	LUC	00	04	967,0	LUC	CE 586260	30/9/2016
24	Hộ ông Phan Văn Công	'001073015583	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	215	1.100,0	1.100,0	0,0	LUC	00	05	1.100,0	LUC	CE 586264	30/9/2016
25	Hộ ông Phan Văn Bộ	'001084077397	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	43	81	867,0	867,0	0,0	LUC	00	06	867,0	LUC	CE 586261	30/9/2016
26	Hộ bà Phan Thị Nết	'001148018021	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	206	481,0	481,0	0,0	LUC	00	7+2	2.040,0	LUC	CH 210536	30/12/2016
				Đồng Đầu Cầu	43	84	1.559,0	1.559,0	0,0	LUC	00			LUC	CH 210536	30/12/2016
27	Hộ ông Nguyễn Văn Phi	'001055003879	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	43	97	1.257,0	1.257,0	0,0	LUC	00	08	1.257,0	LUC	CE 586270	30/9/2016
28	Hộ ông Phan Văn Bền (1965)	'001065005486	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	214	873,0	873,0	0,0	LUC	00	01	873,0	LUC	CE 397340	29/9/2016
				Đồng Đầu Cầu	43	101	990,0	990,0	0,0	LUC	00	09	990,0	LUC	CE 397340	29/9/2016
29	Hộ bà Phan Thị Hay	'001158007089	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Giữa Đồng	43	116	747,0	747,0	0,0	LUC	00	11	747,0	LUC	CE 397934	29/09/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin thửa đất đo đạc theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi dự kiến	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
30	Hộ ông Nguyễn Văn Quảng (1970)	'001070024877	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	211	629,0	629,0	0,0	LUC	00	2	629,0	LUC	CH 117457	22/12/2016
				Đồng Mo	43	166	350,0	350,0	0,0	LUC	00	2	350,0	LUC	CH 117457	22/12/2016
31	Hộ ông Nguyễn Văn Hanh	'001067002312	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	216	1.595,0	1.595,0	0,0	LUC	00	03	1.595,0	LUC	CE 397973	29/9/2016
32	Hộ bà Lê Thị Nhĩ	'001163036059	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	283	2.240,0	2.240,0	0,0	LUC	0	4+5+6	2.240,0	LUC	CH 117450	22/12/2016
33	Hộ ông Phan Văn Bích	'001063031155	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	227	1.786,0	1.786,0	0,0	LUC	00	07	1.786,0	LUC	CE 397974	29/09/2016
34	Hộ ông Dương Văn Đăng	'001063043116	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	43	102	950,0	950,0	0,0	LUC	00	08	950,0	LUC	CE 397289	29/09/2016
35	Hộ ông Dương Văn Định (1989)	'001089052768	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	43	117	949,0	949,0	0,0	LUC	00	09	949,0	LUC	CE 397288	29/9/2016
36	Hộ bà Dương Thị Thủy	'001176046918	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	219	781,0	781,0	0,0	LUC	00	02	781,0	LUC	CE 397298	29/9/2016
37	Hộ ông Dương Quang Thông	'001039001082	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	218	541,0	541,0	0,0	LUC	00	03	541,0	LUC	CE 397299	29/9/2016
38	Hộ bà Trần Thị Hòa	'001171007201	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	225	1.122,0	1.122,0	0,0	LUC	00	6+7	1.122,0	LUC	CH 117433	22/12/2016
				đồng Thối cỏ	43	145	647,0	647,0	0,0	LUC	00	3	647,0	LUC	CH 117433	22/12/2016
39	Hộ ông Nguyễn Văn Hoàng	'001079044758	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	232	900,0	900,0	0,0	LUC	00	09	900,0	LUC	CE 397983	29/9/2016
				đồng Thối cỏ	43	186	574,0	574,0	0,0	LUC	00	02	574,0	LUC	CE 397983	29/9/2016
40	Hộ ông Nguyễn Văn Dân	'001085004894	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	235	458,0	458,0	0,0	LUC	00	10	458,0	LUC	CE 397986	29/09/2016
41	Hộ ông Dương Văn Luyến	'001068024953	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	240	1.243,0	1.243,0	0,0	LUC	00	12+13	1.243,0	LUC	CH117445	22/12/2016
				đồng Thối cỏ	43	164	1.198,0	1.198,0	0,0	LUC	00	1+2	1.198,0	LUC	CH117445	22/12/2016
42	Hộ ông Dương Văn Toán	'001053003317	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	247	549,0	549,0	0,0	LUC	00	15	549,0	LUC	CE397415	29/9/2016
				đồng Thối cỏ	53	5	349,0	349,0	0,0	LUC	00	04	349,0	LUC	CE397415	29/9/2016
43	Hộ ông Dương Văn Tinh	'001085001463	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	43	139	549,0	549,0	0,0	LUC	00	16	549,0	LUC	CE 397416	29/09/2016
				đồng Thối cỏ	53	26	349,0	349,0	0,0	LUC	00	6	349,0	LUC	CE 397416	29/09/2016
44	Hộ bà Dương Thị Tuyến	'001192011082	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	43	143	1.071,0	1.071,0	0,0	LUC	00	18	1.071,0	LUC	CE586282	30/9/2016
45	Hộ ông Dương Văn Minh	'001057019433	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	226	865,0	865,0	0,0	LUC	00	04	865,0	LUC	CE586227	30/9/2016
46	Hộ ông Dương Văn Tâm	'001084026990	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	233	360,0	360,0	0,0	LUC	00	4/5	360,0	LUC	CE 586228	30/9/2016
				đồng Thối cỏ	43	167	390,0	390,0	0,0	LUC	00	3/6	390,0	LUC	CE 586228	30/9/2016
47	Hộ ông Nguyễn Văn Quảng (1978)	'001078021365	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	236	2.448,0	2.448,0	0,0	LUC	00	7+8+9	2.448,0	LUC	CH117432	22/12/2016
				đồng Thối cỏ	53	4	486,0	486,0	0,0	LUC	00	8	1.288,0	LUC	CH117432	22/12/2016
				đồng Thối cỏ	53	29	802,0	802,0	0,0	LUC	00			LUC	CH117432	22/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin thửa đất đo đạc theo mảnh trích đo						Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý						
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi dự kiến	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
48	Hộ bà Dương Thị Bộ	'001168001455	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	250	1.489,0	1.489,0	0,0	LUC	00	12	1.489,0	LUC	CE586230	30/9/2016
				đồng Thối cỏ	44	46	914,0	914,0	0,0	LUC	00	01	914,0	LUC	CE586230	30/9/2016
49	Hộ ông Đặng Xuân Bách	'001087033366	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	258	547,0	547,0	0,0	LUC	00	4/14	547,0	LUC	CE397941	29/9/2016
				đồng Thối cỏ	43	159	172,0	172,0	0,0	LUC	00	3/4a	172,0	LUC	CE397941	29/9/2016
50	Hộ ông Bùi Tiến Năm	'001060025375	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	43	162	1.257,0	1.257,0	0,0	LUC	00	15	1.257,0	LUC	CE 586403	30/9/2016
				đồng Thối cỏ	53	19	805,0	805,0	0,0	LUC	00	07	805,0	LUC	CE 586403	30/9/2016
51	Hộ ông Bùi Văn Bờ	'001053003426	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	248	1.868,0	1.868,0	0,0	LUC	00	04	1.868,0	LUC	CE 397408	29/9/2016
52	Hộ ông Bùi Văn Bạ	'001062009522	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	263	1.035,0	1.035,0	0,0	LUC	00	11	1.035,0	LUC	CE 397247	29/9/2016
53	Hộ ông Bùi Văn Lâm	'001072027845	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	274	826,0	826,0	0,0	LUC	00	12	826,0	LUC	CE397366	29/9/2016
54	Hộ ông Phạm Văn Bé	'001072011225	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	268	1.725,0	1.725,0	0,0	LUC	00	14+15	1.725,0	LUC	CH 117498	22/12/2016
55	Hộ ông Dương Văn Hội	'001077011921	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	280	1.254,0	1.254,0	0,0	LUC	00	7	1.254,0	LUC	CH 117488	22/12/2016
56	Hộ ông Phạm Văn Trọng	'001084010345	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	257	781,0	781,0	0,0	LUC	00	02	781,0	LUC	CE 397362	29/9/2016
57	Hộ ông Dương Văn Mừng (1985)	'001085041878	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	289	3.704,0	3.704,0	0,0	LUC	00	5	3.704,0	LUC	CH 117470	22/12/2016
58	Hộ ông Đỗ Văn Cường	'001080013196	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	275	227,0	227,0	0,0	LUC	00	06	227,0	LUC	CE 397950	29/9/2016
59	Hộ ông Đỗ Văn Trương	'001082016359	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	273	226,0	226,0	0,0	LUC	00	07	226,0	LUC	CE 397951	29/9/2016
60	Hộ bà Đỗ Thị Luyến	'001188008933	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	270	226,0	226,0	0,0	LUC	00	09	226,0	LUC	CE 397953	29/9/2016
61	Hộ ông Đỗ Văn Nam	'001090014814	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	269	551,0	551,0	0,0	LUC	00	10	551,0	LUC	CE 397954	29/9/2016
62	Hộ ông Dương Văn Tập	'001055016617	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	277	1.078,0	1.078,0	0,0	LUC	00	08	1.078,0	LUC	CE 397245	19/9/2016
63	Hộ bà Phạm Thị Nấm - (Bà Phan Thị Nấm đã chết) - em trai Phạm Văn Minh đại diện	001061014169	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	52	18	909,0	909,0	0,0	LUC	00	01	909,0	LUC	CE 397260	29/9/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin thửa đất đo đạc theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi dự kiến	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
64	Hộ ông Phạm Văn Minh	'001061014169	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	52	11	1.159,0	1.159,0	0,0	LUC	00	02	1.159,0	LUC	CE 397965	29/9/2016
65	Hộ ông Phạm Văn Khanh	'001084022309	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	52	23	486,0	486,0	0,0	LUC	00	03	486,0	LUC	CE 397966	29/9/2016
66	Hộ ông Đặng Văn Lập - (ông Đặng Văn Lập đã chết) -ông Đặng Văn Duy đại diện	'001088047353	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	42	253	1.120,0	1.120,0	0,0	LUC	00	01	1.120,0	LUC	CE 397236	19/09/2016
				Đông Chi huyện	42	272	720,0	720,0	0,0	LUC	00	03	720,0	LUC	CE 397236	19/09/2016
67	Hộ ông Đặng Xuân Trường	'001046003432	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	42	267	1.426,0	1.426,0	0,0	LUC	00	04	1.426,0	LUC	CE 397343	19/9/2016
68	Hộ ông Nguyễn Thanh Sơn	'001083008901	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	52	13	1.241,0	1.241,0	0,0	LUC	00	7+8	1.241,0	LUC	CH 117496	22/12/2016
69	Hộ ông Phan Ngọc Thái Sơn	'001086009164	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	52	70	1.234,0	1.234,0	0,0	LUC	00	05	1.234,0	LUC	CE 586273	30/09/2016
70	Hộ ông Lê Văn Chiến	'001056005475	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Man sang	53	77	1.851,0	1.851,0	0,0	LUC	00	09	1.851,0	LUC	CE 397349	29/9/2016
71	Hộ bà Nguyễn Thị Oanh	'001160034497	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	52	51	2.033,0	2.033,0	0,0	LUC	00	14	2.033,0	LUC	CH 117484	22/12/2016
72	Hộ ông Lê Văn Tâm	'001059005305	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	52	44	1.866,0	1.866,0	0,0	LUC	00	01	1.866,0	LUC	CE 586236	30/9/2016
73	Bà Tạ Thị Hương (1987)	'001187043743	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	52	37	528,0	528,0	0,0	LUC	00	02	528,0	LUC	CE 586238	30/9/2016
				Đông Chi huyện	52	48	528,0	528,0	0,0	LUC	00	03	528,0	LUC	CE 586237	30/9/2016
74	Hộ ông Lê Văn Tuyền	'001081048407	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	52	50	294,0	294,0	0,0	LUC	00	04	294,0	LUC	CE 586239	30/9/2016
75	Hộ bà Lê Thị Ánh	'001189004448	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	52	54	250,0	250,0	0,0	LUC	00	05	250,0	LUC	CE 586240	30/9/2016
76	Hộ ông Nguyễn Đức Ước	'001086045650	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	52	57	486,0	486,0	0,0	LUC	00	6+7+8	2.508,0	LUC	CH 117444	22/12/2016
				Đông Chi huyện	52	60	486,0	486,0	0,0	LUC	00			LUC	CH 117444	22/12/2016
				Đông Chi huyện	52	65	1.536,0	1.536,0	0,0	LUC	00			LUC	CH 117444	22/12/2016
77	Hộ bà Lê Thị Lan Hiền	'001184042133	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	52	69	1.465,0	1.465,0	0,0	LUC	00	09	1.465,0	LUC	CE 397968	29/9/2016
78	Hộ ông Lê Việt Vương	'001085021444	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	52	74	453,0	453,0	0,0	LUC	00	13	453,0	LUC	CE 397978	29/9/2016
79	Hộ ông Lê Văn Ưa - (ông Lê Văn Ưa đã chết) -Lê Huy Quang đại diện	'001084023753	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đông Chi huyện	52	55	1.672,0	1.672,0	0,0	LUC	00	3+4	1.672,0	LUC	CE 117503	22/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin thửa đất đo đạc theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi dự kiến	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
80	Hộ ông Nguyễn Văn Tuấn (1959)	'001059021870	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	53	235	958,0	958,0	0,0	LUC	00	12	958,0	LUC	CE 397237	29/9/2016
81	Hộ ông Dương Văn Tùng (1992)	'001092040523	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mỏ	53	35	1.261,0	1.261,0	0,0	LUC	00	07	1.261,0	LUC	CE 397369	29/9/2016
82	Hộ ông Lê Văn Hoàn	'001075014612	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	56	970,0	970,0	0,0	LUC	00	04	970,0	LUC	CE 397252	29/9/2016
				Đồng Mo	53	11	500,0	500,0	0,0	LUC	00	09	500,0	LUC	CE 397252	29/9/2016
83	Hộ bà Nguyễn Thị Lụa	'001190025826	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	76	504,0	504,0	0,0	LUC	00	06	504,0	LUC	CE 397949	29/9/2016
84	Hộ ông Nguyễn Văn Sơn (1970)	'001070015757	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	70	451,0	451,0	0,0	LUC	00	2/2	451,0	LUC	CE 397370	29/9/2016
				Đồng Mo	53	9	779,0	779,0	0,0	LUC	00	03	779,0	LUC	CE 397370	29/9/2016
85	Hộ ông Phan Văn Quang	'001089005557	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	88	1.217,0	1.217,0	0,0	LUC	00	08	1.217,0	LUC	CE 397363	29/9/2016
				Đồng Mo	43	171	1.020,0	1.020,0	0,0	LUC	00	03	1.020,0	LUC	CE 397363	29/9/2016
86	Hộ ông Phan Văn Sỹ	'001080022386	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	95	1.750,0	1.750,0	0,0	LUC	00	01	1.750,0	LUC	CE 586250	30/9/2016
87	Hộ ông Nguyễn Văn Chức	'001058028911	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	50	994,0	994,0	0,0	LUC	00	01	994,0	LUC	CE 397233	29/9/2016
88	Hộ ông Nguyễn Tiến Giáp	'001074028746	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	77	1.860,0	1.860,0	0,0	LUC	00	04	1.860,0	LUC	CE 397401	29/9/2016
89	Hộ ông Phan Ngọc Long	'001083011796	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	89	948,0	948,0	0,0	LUC	00	05	948,0	LUC	CE 397285	29/9/2016
90	Hộ bà Phan Thị ánh Tuyết	'001188009956	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	98	500,0	500,0	0,0	LUC	00	06	500,0	LUC	CE 397284	29/9/2016
91	Hộ ông Phan Ngọc Tôn	'001069024345	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	94	1.350,0	1.350,0	0,0	LUC	00	08	1.350,0	LUC	CE 397249	29/9/2016
				Đồng Mo	53	13	559,0	559,0	0,0	LUC	00	05	559,0	LUC	CE 397249	29/9/2016
92	Ông Phan Văn Quyền (Vợ: Nguyễn Thị Thom)	'001174016187	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	105	589,0	589,0	0,0	LUC	00	'08	589,0	LUC	CE 397371	29/09/2016
93	Hộ ông Dương Văn Chuyên	'001077031049	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	113	591,0	591,0	0,0	LUC	00	10	591,0	LUC	CE 397240	29/9/2016
94	Hộ bà Dương Thị Liêm	'001151000994	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	78	1.226,0	1.226,0	0,0	LUC	00	01	1.226,0	LUC	CE 397960	29/9/2016
95	Hộ bà Nguyễn Thị Tân	'001183030842	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	86	200,0	200,0	0,0	LUC	00	04	200,0	LUC	CE 397961	29/9/2016
96	Hộ bà Nguyễn Thị Tiến	'001183027125	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xá Tre	43	87	200,0	200,0	0,0	LUC	00	05	200,0	LUC	CE 397962	29/9/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin thửa đất đo đạc theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi dự kiến	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
97	Hộ ông Dương Văn Phong (ông Dương Văn Phong đã chết) - vợ Vương Thị Trọng đại diện	'001058021231	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	99	1.665,0	1.665,0	0,0	LUC	00	06	1.665,0	LUC	CE 397958	29/09/2016
98	Hộ ông Dương Hồng Phú	'001082040773	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	93	720,0	720,0	0,0	LUC	00	07	720,0	LUC	CE 397959	29/9/2016
99	Hộ ông Dương Văn Cường	'001083035948	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	103	1.000,0	1.000,0	0,0	LUC	00	14	1.000,0	LUC	CE 397933	29/9/2016
100	Hộ bà Dương Thị Thại	'001166030757	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	109	2.190,0	2.190,0	0,0	LUC	00	9+10	2.190,0	LUC	CE 586267	30/9/2016
101	Hộ ông Bùi Ngọc Thúy	'001075030621	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	140	800,0	800,0	0,0	LUC	00	13	800,0	LUC	CE 397281	29/9/2016
102	Hộ ông Đỗ Minh Thương (Đỗ Văn Thương)	'001070009428	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	92	881,0	881,0	0,0	LUC	00	01	881,0	LUC	CE 397942	29/9/2016
103	Hộ ông Nguyễn Văn Đức	'001091006600	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	107	404,0	404,0	0,0	LUC	00	03	404,0	LUC	CE 397971	29/9/2016
104	Hộ ông Dương Văn Thuận	'001064024604	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	112	1.100,0	1.100,0	0,0	LUC	00	04	1.100,0	LUC	CE 397342	
105	Hộ ông Dương Văn Huyền	'001066013843	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	100	1.810,0	1.810,0	0,0	LUC	00	02	1.810,0	LUC	CE 586235	30/9/2016
				đồng Xà Tre	43	122	1.274,0	1.274,0	0,0	LUC	00	05	1.274,0	LUC	CE 586235	30/9/2016
106	Hộ ông Trần Văn Quý	'001067031389	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	134	894,0	894,0	0,0	LUC	00	06	894,0	LUC	CE 586283	30/9/2016
107	Hộ ông Đỗ Xuân Quảng	'001077011440	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	141	1.052,0	1.052,0	0,0	LUC	00	7	1.052,0	LUC	CH 117455	22/12/2016
108	Hộ ông Dương Thị Sáu	'001075046627	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	149	774,0	774,0	0,0	LUC	00	8	774,0	LUC	CH 117473	22/12/2016
109	Hộ ông Đỗ Văn Tư	'001058023499	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	157	968,0	968,0	0,0	LUC	00	09	968,0	LUC	CE 397251	29/9/2016
110	Hộ ông Dương Văn Ngru	'001075031362	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	106	725,0	725,0	0,0	LUC	00	01	725,0	LUC	CE 586265	30/9/2016
111	Hộ ông Dương Văn Toán	'001036002587	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	115	726,0	726,0	0,0	LUC	00	02	726,0	LUC	CE 397243	29/9/2016
				đồng Thối có	43	165	2.515,0	2.515,0	0,0	LUC	00	07	2.515,0	LUC	CE 397243	29/9/2016
112	Hộ ông Dương Văn Thuyên	'001071012988	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	108	1.147,0	1.147,0	0,0	LUC	00	2	1.147,0	LUC	CH 117504	22/12/2016
				đồng Thối có	43	187	848,0	848,0	0,0	LUC	00	8	848,0	LUC	CH 117504	22/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin thửa đất đo đạc theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi dự kiến	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
113	Hộ ông Dương Văn Hương	'001063001364	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	120	156,0	156,0	0,0	LUC	00	3	156,0	LUC	CH 117505	22/12/2016
				đồng Thối cò	43	183	345,0	345,0	0,0	LUC	00	7	345,0	LUC	CH 117505	22/12/2016
114	Hộ ông Dương Quang Lịch	'001075017663	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	123	777,0	777,0	0,0	LUC	00	1	777,0	LUC	CH 117451	22/12/2016
115	Hộ ông Đỗ Văn Kiên	'001079008154	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	128	1.563,0	1.563,0	0,0	LUC	00	06	1.563,0	LUC	CE 397944	29/9/2016
116	Hộ bà Phan Thị Thu Vân	'001188008256	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	52	166	195,0	195,0	0,0	LUC	00	10B	195,0	LUC	CE 586275	30/09/2016
117	Hộ ông Hoàng Văn Diện	'001086031374	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	160	486,0	486,0	0,0	LUC	00	03	486,0	LUC	CE 586247	30/9/2016
118	Hộ ông Lê Văn Hải	'001085049575	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Man sang	53	60	2.006,0	2.006,0	0,0	LUC	00	7	2.006,0	LUC	CH 117441	22/12/2016
119	Hộ bà Phan Thị Như Quỳnh	'001183017167	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	52	67	200,0	200,0	0,0	LUC	00	10A	200,0	LUC	CE 586274	30/09/2016
120	Hộ bà Dương Thị Mận	'001173043259	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	178	844,0	844,0	0,0	LUC	00	03	844,0	LUC	CE 397257	29/9/2016
121	Hộ ông Dương Văn Định (1967)	'001067002120	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	43	125	781,0	781,0	0,0	LUC	00	01	781,0	LUC	CE 397294	29/9/2016
122	Hộ bà Nguyễn Thị Diệp - (Bà Nguyễn Thị Diệp đã chết) - Con trai: Phạm Văn Thủy đại diện	'001063040062	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	43	130	1.986,0	1.986,0	0,0	LUC	00	2	1.986,0	LUC	CH 117502	22/12/2016
123	Hộ bà Bùi Thị Bảy	'001173009136	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	43	150	949,0	949,0	0,0	LUC	00	03	949,0	LUC	CE 397412	29/9/2016
124	Hộ bà Dương Thị Xiêm	'001162001508	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	43	156	1.276,0	1.276,0	0,0	LUC	00	04	1.276,0	LUC	CE 397250	29/09/2016
125	Hộ ông Dương Văn Quỳnh	'001073002111	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	43	172	1.674,0	1.674,0	0,0	LUC	00	05	1.674,0	LUC	CE 397969	29/09/2016
126	Hộ ông Dương Văn Công	'001076058250	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	43	184	1.538,0	1.538,0	0,0	LUC	00	5	1.538,0	LUC	CH 117431	22/12/2016
127	Hộ ông Dương Văn Hiền	'001065007843	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	53	8	1.253,0	1.253,0	0,0	LUC	00	6	1.253,0	LUC	CH 117465	22/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin thửa đất đo đạc theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi dự kiến	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
128	Hộ bà Nguyễn Thị Ngân (Phước)	'001167027144	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	43	146	2.226,0	2.226,0	0,0	LUC	00	1+2	2.226,0	LUC	CH 117482	22/12/2016
129	Hộ ông Trần Văn Sáp	'001057007476	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	53	48	1.216,0	1.216,0	0,0	LUC	00	11	1.216,0	LUC	CH 117506	22/12/2016
130	Hộ ông Phạm Xuân Lãm	'001073070049	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	53	23	208,0	208,0	0,0	LUC	00	07	208,0	LUC	CE 397292	29/9/2016
131	Hộ ông Phạm Văn Phóng	'001074010106	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	53	20	312,0	312,0	0,0	LUC	00	08	312,0	LUC	CE 397293	29/9/2016
132	Hộ bà Phạm Thị Thanh Loan	'001178017062	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	53	18	105,0	105,0	0,0	LUC	00	09	105,0	LUC	CE 397290	29/9/2016
133	Hộ ông Phạm Thanh Chương	'001083035540	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	53	16	208,0	208,0	0,0	LUC	00	10	208,0	LUC	CE 397291	29/9/2016
134	Hộ ông Dương Văn Thát	'001037007713	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	53	34	1.111,0	1.111,0	0,0	LUC	00	12+13	1.111,0	LUC	CH 117436	22/12/2016
135	Hộ ông Phan Văn Tinh	'001071013986	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	43	153	462,0	462,0	0,0	LUC	00	1	462,0	LUC	CH 117453	22/12/2016
136	Hộ bà Phan Thị Ngọc ánh	'001191050888	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	43	180	500,0	500,0	0,0	LUC	00	04	500,0	LUC	CE 397364	29/9/2016
137	Hộ ông Nguyễn Hữu Hợp	'001083043222	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	53	1	739,0	739,0	0,0	LUC	00	06	739,0	LUC	CE 397232	29/9/2016
138	Hộ ông Lê Văn Mạc	'001047004558	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	53	30	628,0	628,0	0,0	LUC	00	10	628,0	LUC	CE 397253	29/9/2016
139	Hộ ông Dương Văn Đạt - (ông Dương Văn Đạt đã chết) - Vợ Kiều Thị Mầu đại diện.	'001155009425	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	43	176	809,0	809,0	0,0	LUC	00	01	809,0	LUC	CE 397242	29/9/2016
140	Hộ bà Dương Thị Ánh (1980)	'001180016825	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	43	182	468,0	468,0	0,0	LUC	00	02	468,0	LUC	CE 397241	29/9/2016
141	Hộ ông Lê Văn Minh (Dung) (1964)	'001064022366	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Man sang	52	34	144,0	144,0	0,0	LUC	00	1	144,0	LUC	CH 117459	22/12/2016
				Đồng Man sang	53	85	1.015,0	1.015,0	0,0	LUC	00	10	1.015,0	LUC	CH 117459	22/12/2016
142	Hộ ông Nguyễn Văn Hoàn	'001082003519	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Chảo	43	51	1.888,0	1.888,0	0,0	LUC	00	3+4+5	1.888,0	LUC	CH 117474	22/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin thửa đất đo đạc theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi dự kiến	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
143	Hộ ông Phan Văn Hiếu	'001079002614	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Man sang	52	59	680,0	680,0	0,0	LUC	00	3/2	680,0	LUC	CE 586233	30/9/2016
144	Hộ ông Phan Văn Hường	'001080017159	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Man sang	52	66	680,0	680,0	0,0	LUC	00	4/2	680,0	LUC	CE 586234	30/9/2016
145	Hộ bà Phan Thị Huê	'001182043712	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Man sang	52	68	693,0	693,0	0,0	LUC	00	5/2	693,0	LUC	CE 586232	30/9/2016
146	Hộ ông Nguyễn Văn Nhị	'001073029487	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	30	740,0	740,0	0,0	LUC	00	10	740,0	LUC	CH 117467	22/12/2016
				Đồng Man sang	52	81	1.128,0	1.128,0	0,0	LUC	00	7	1.128,0	LUC	CH 117467	22/12/2016
147	Hộ bà Lê Thị Tuyết Nhung	'001182026411	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Man sang	52	77	210,0	210,0	0,0	LUC	00	02	210,0	LUC	CE 397396	29/9/2016
148	Hộ bà Nguyễn Thị Dinh	'001162002888	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Man sang	52	127	306,0	306,0	0,0	LUC	00	2	306,0	LUC	CH 210530	30/12/2016
149	Hộ ông Lê Văn Triển	'001060003328	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Man sang	52	86	1.088,0	1.088,0	0,0	LUC	00	05	1.088,0	LUC	CE 397395	29/9/2016
150	Hộ ông Lê Huy Trụ - (ông Lê Huy Trụ đã chết) - vợ Tào Thị Mai đại diện	'001169002543	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Man sang	52	95	372,0	372,0	0,0	LUC	00	5	372,0	LUC	CH 210528	30/12/2016
151	Hộ bà Phan Thị Mai	'001176020133	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Man sang	52	98	420,0	420,0	0,0	LUC	00	06	420,0	LUC	CE 586244	30/09/2016
152	Hộ bà Phan Văn Thơ (Ông Phan Văn Thơ đã chết)- bà Dương Thị Chuyên đại diện (vợ)	'001172008705	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Man sang	52	102	2.570,0	2.570,0	0,0	LUC	00	1	2.570,0	LUC	CH 117456	22/12/2016
153	Hộ ông Nguyễn Văn Ngọc	'001058004405	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	261	915,0	915,0	0,0	LUC	00	10	915,0	LUC	CH 117475	22/12/2016
154	Hộ ông Nguyễn Văn Thanh (1962)	'001062009524	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Nhà Rẽ	44	136	2.268,0	2.268,0	0,0	LUC	0	5	2.268,0	LUC	CE 586254	30/9/2016
155	Hộ ông Dương Văn Lượng (1971)	'001071048450	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Thối cỏ	44	5	1.407,0	1.407,0	0,0	LUC	00	01	1.407,0	LUC	CE 397367	29/9/2016
				Đồng Diêm	53	40	1.218,0	1.218,0	0,0	LUC	00	05	1.218,0	LUC	CE 397367	29/9/2016
156	Hộ ông Dương Văn Mỹ	'001067019974	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Thối cỏ	44	10	1.430,0	1.430,0	0,0	LUC	00	2	1.430,0	LUC	CH 117428	22/12/2016
				đồng Diêm	53	55	2.133,0	2.133,0	0,0	LUC	00	1	2.133,0	LUC	CH 117428	22/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin thửa đất đo đạc theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi dự kiến	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
157	Hộ ông Phạm Văn Hà	'001077013022	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Thối cỏ	44	14	627,0	627,0	0,0	LUC	00	3	627,0	LUC	CH 117469	22/12/2016
158	Hộ ông Phạm Văn Hoàn (ông Phạm Văn Hoàn đã chết) - Ông Phạm Văn Hoạt đại diện.	'001082026246	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Thối cỏ	44	16	402,0	402,0	0,0	LUC	00	4	402,0	LUC	CH 117448	22/12/2016
				đồng Diêm	53	65	1.703,0	1.703,0	0,0	LUC	00	3+4	1.703,0	LUC	CH 117448	22/12/2016
159	Hộ ông Lê Văn Bốn	'001072012899	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Thối cỏ	44	18	703,0	703,0	0,0	LUC	00	05	703,0	LUC	CE 397348	29/9/2016
				đồng Diêm	53	45	649,0	649,0	0,0	LUC	00	01	649,0	LUC	CE 397348	29/9/2016
160	Hộ ông Dương Mạnh Hải	'001058023489	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Thối cỏ	44	22	1.208,0	1.208,0	0,0	LUC	00	6	1.208,0	LUC	CH 117476	22/12/2016
				Đồng Diêm Bùn	53	36	2.282,0	2.282,0	0,0	LUC	00	4	2.282,0	LUC	CH 117476	22/12/2016
161	Hộ bà Nguyễn Thị Câu	'001150008633	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Thối cỏ	43	119	1.041,0	1.041,0	0,0	LUC	00	02	1.041,0	LUC	CE 586271	30/9/2016
				Đồng Diêm	53	27	523,0	523,0	0,0	LUC	00	03	523,0	LUC	CE 586271	30/9/2016
162	Hộ bà Dương Thị Kiêm	'001149001023	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Thối cỏ	43	126	865,0	865,0	0,0	LUC	00	03	865,0	LUC	CE 397972	29/9/2016
				Đồng Diêm	53	17	162,0	162,0	0,0	LUC	00	02	162,0	LUC	CE 397972	29/9/2016
163	Hộ ông Lê Văn Tiến	'001060007921	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Thối cỏ	44	35	1.684,0	1.684,0	0,0	LUC	00	4	1.684,0	LUC	CH 117437	22/12/2016
				Đồng Diêm	53	22	982,0	982,0	0,0	LUC	00	1	982,0	LUC	CH 117437	22/12/2016
164	Hộ ông Dương Văn Kết	'001079007816	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Thối cỏ	43	135	618,0	618,0	0,0	LUC	00	08	618,0	LUC	CE 397295	29/9/2016
165	Hộ ông Dương Văn Kiêm	'001084034946	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Thối cỏ	43	129	619,0	619,0	0,0	LUC	00	02	619,0	LUC	CE 397296	29/9/2016
166	Hộ bà Hoàng Thị Xiu	'030160021918	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Diêm	53	80	1.249,0	1.249,0	0,0	LUC	00	2	1.249,0	LUC	CH 210529	30/12/2016
167	Hộ ông Phạm Văn ánh	'001072028013	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Diêm	53	87	1.703,0	1.703,0	0,0	LUC	00	2	1.703,0	LUC	CH 117429	22/12/2016
168	Hộ ông Phan Xuân Tuyển	'001091018972	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Diêm	53	91	576,0	576,0	0,0	LUC	00	03	576,0	LUC	CE 397939	29/9/2016
169	Hộ ông Phan Văn Chung	'001082007738	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Diêm	53	89	576,0	576,0	0,0	LUC	00	04	576,0	LUC	CE 397937	29/9/2016
170	Hộ ông Nguyễn Văn Chính	'001064012937	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Diêm	53	90	1.957,0	1.957,0	0,0	LUC	00	01	1.957,0	LUC	CE 397399	29/09/2016
171	Hộ bà Nguyễn Thị Nhâm	'001173038749	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Diêm	53	112	791,0	791,0	0,0	LUC	00	4	791,0	LUC	CH 117438	22/12/2016
172	Hộ ông Phan Văn Tiệp	'001065013423	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Chảo	43	46	1.477,0	1.477,0	0,0	LUC	00	2	1.477,0	LUC	CH 117462	22/12/2016
173	Hộ ông Nguyễn Văn Trán	'001054004950	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Chảo	42	203	1.410,0	1.410,0	0,0	LUC	00	1	1.410,0	LUC	CH 210535	30/12/2016
				Đồng Giữa Đòng	43	110	713,0	713,0	0,0	LUC	00	10	713,0	LUC	CH 210535	30/12/2016

STT	Chủ sử dụng đất	Số CCCD	Địa chỉ thường trú	Thông tin thửa đất đo đạc theo mảnh trích đo							Thông tin thửa đất theo giấy tờ pháp lý					
				Địa chỉ	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thu hồi dự kiến	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích đất còn lại dự kiến (m ²)	Loại đất	Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m ²)	Loại đất	Số phát hành	Ngày cấp
174	Hộ bà Phạm Thị Xuân	'035163000582	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	43	17	1.650,0	1.650,0	0,0	LUC	00	5+6	1.650,0	LUC	CH 117460	22/12/2016
175	Hộ bà Nguyễn Thị Liễu	'001179012058	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Quai Cháo	42	205	926,0	926,0	0,0	LUC	00	4	926,0	LUC	CH 117458	22/12/2016
176	Hộ bà Tào Thị Bích	'001169038403	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Mo	53	44	1.546,0	1.546,0	0,0	LUC	00	06	1.546,0	LUC	CE 397339	19/09/2016
177	Hộ ông Nguyễn Văn Hiền	'001072011240	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Giữa Đồng	42	208	481,0	481,0	0,0	LUC	00	1	481,0	LUC	CH 210532	30/12/2016
178	Hộ bà Tào Thị Kiều Vân	'001181020721	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	59	853,0	853,0	0,0	LUC	00	3	853,0	LUC	CH 117430	22/12/2016
179	Hộ ông Dương Văn Tuấn (1980)	'001080016871	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	264	1.014,0	1.014,0	0,0	LUC	00	2+1	1.014,0	LUC	CH 117468	22/12/2016
180	Hộ bà Dương Thị Thúy	'001172018458	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	42	217	450,0	450,0	0,0	LUC	00	01	781,0	LUC	CE 397297	29/09/2016
				Đồng Đầu Cầu	42	224	331,0	331,0	0,0	LUC	00			LUC	CE 397297	29/09/2016
181	Hộ ông Bùi Văn Khâm	'001070040926	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	52	39	957,0	957,0	0,0	LUC	00	13	957,0	LUC	CH 117483	22/12/2016
182	Hộ ông Dương Văn Tuấn (1969)	'001069005327	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Đầu Cầu	43	124	1.960,0	1.960,0	0,0	LUC	00	11	1.960,0	LUC	CE 397394	29/09/2016
183	Hộ ông Nguyễn Văn Trường	'001074030617	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	52	40	362,0	362,0	0,0	LUC	00	1	362,0	LUC	CH 117443	22/12/2016
184	Hộ ông Nguyễn Hữu Cầu	'001072043834	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	52	88	1.983,0	1.983,0	0,0	LUC	00	6+7+8	1.983,0	LUC	CH 117477	22/12/2016
				Đồng Man sang	52	105	271,0	271,0	0,0	LUC	00			10	271,0	LUC
185	Hộ ông Lê Quang Huy	'001087006284	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Giữa Đồng	43	104	450,0	450,0	0,0	LUC	00	12	450,0	LUC	CE 397936	29/9/2016
186	Hộ bà Dương Thị Huyền	'001181031860	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Chi huyện	42	245	1.333,0	1.333,0	0,0	LUC	00	2+3	1.333,0	LUC	CH 117494	22/12/2016
187	Hộ ông Phan Văn Vô (Tào Thị Tuyền)	'001084043694	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	Đồng Man sang	52	28	1.051,0	1.051,0	0,0	LUC	00	02	1.051,0	LUC	CE 397946	29/9/2016
188	Bà Tào Thúy Linh	001301022599	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	152	849,0	849,0	0,0	LUC	00	03	849,0	LUC	CE 397413	29/9/2016
189	Ông Nguyễn Cao Thành và Nguyễn Cao Tâm	001205036372	Thôn Văn Khê, xã Tam Hưng, TP. Hà Nội	đồng Xà Tre	43	170	848,0	848,0	0,0	LUC	00	03	848,0	LUC	CE 397414	29/9/2016
Tổng cộng:						232	230.908,0	230.908,0	0,00			227	230.908,0			